

BỘ Y TẾ  
VIỆN PASTEUR  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Số: 1294/PAS-VTTBYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2024

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán gói thầu,

Ngày 16/04/2024, Viện phát hành công văn mời báo giá số 1120/PAS-VTTBYT nhưng vẫn chưa đủ báo giá. Nay Viện tiếp tục phát hành thư mời báo giá để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Dự án “Đánh giá hiệu quả của vắc xin phế cầu cộng hợp 10 týp huyết thanh (PCV10) trong phòng ngừa bệnh phế cầu xâm lấn ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam” do GSK, Vương Quốc Bỉ tài trợ với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Lê Cẩm Tú
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư – Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 0949486302
- Địa chỉ email: lecamtu031197@gmail.com - tulc@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17 giờ ngày 10/05/2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:





| STT | Tên hàng hóa  | Thông số kỹ thuật chuyên môn phối hợp với Vật tư xây dựng   | ĐVT  | Số lượng |
|-----|---|---|------|----------|
| 1   | Kít chạy nhân gen định lượng sử dụng mix sẵn, có chứa chất nền Rox nồng độ thấp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nồng độ 2X để khuếch đại các mẫu DNA được chiết xuất từ các mẫu môi trường, mô thực vật hoặc mô động vật</li> <li>- Chứa hợp chất carboxy-X-rhodamine (ROX) nồng độ thấp, dùng cho các thiết bị sử dụng bước sóng kích thích từ 585 - 590 nm và kênh phát xạ 605 - 610 nm cho tín hiệu tham chiếu</li> <li>- Thành phần: Dung dịch đệm phản ứng 2X chứa MgCl<sub>2</sub>, dNTPs (dATP, dCTP, dGTP, dTTP), Taq DNA polymerase, thuốc nhuộm tham chiếu ROX, thuốc nhuộm qPCR xanh và chất ổn định</li> </ul> | Test | 3.750    |
| 2   | Đĩa giấy Optochin   | Thành phần: mỗi đĩa chứa 5μg Optochin<br>Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương  | Đĩa  | 200      |
| 3   | Môi các loại  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ tổng hợp: 100nmol</li> <li>- Nồng độ đảm bảo khi giao hàng: tối thiểu 10 ODs</li> <li>- Môi cung cấp dưới dạng tinh sạch khử muối và được làm đông khô.</li> <li>- Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (tối đa 50nu)</li> </ul>  | Ống  | 46       |
| 4   | Đầu dò 6A/6B/6C/6D -P   | Trình tự: FAM-TGTTCTGCCC"T"GAGCAACTGGTCTTGTATC-BHQ1<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầu nối hóa học: "T"=BHQ1</li> <li>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol</li> <li>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô</li> </ul>  | Ống  | 1        |
| 5   | Đầu dò 7C/7B1-P   | Trình tự: HEX-AGTACGTTACATATAGGACTTATTCTTTTTTTGATTGT-BHQ1<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol</li> <li>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô</li> </ul>   | Ống  | 1        |
| 6   | Đầu dò 7C/7B2-P   | Trình tự: FAM-TGTTCCGAATATTGGTCCAGCTCGAG-BHQ1<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol</li> <li>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô</li> </ul>   | Ống  | 1        |
| 7   | Đầu dò 13-P   | Trình tự: FAM-AAGCAGCACTTCCAAGTCGTAATCTACC-BHQ1<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol</li> <li>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô</li> </ul>   | Ống  | 1        |



| STT | Tên hàng hóa            | Thông số kỹ thuật chuyên môn phối hợp với Vật tư xây dựng  | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------|--|-----|----------|
| 8   | Đầu dò 15B/15C-P        | Trình tự: FAM-<br>ACTTCAATTAATAAGCGGATGATTGTAGCGT-<br>BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô   | Ống | 1        |
| 9   | Đầu dò 35A-P            | Trình tự: HEX-<br>ACCAGAGTTAGACACTATCTTGGTTTCC-BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô  | Ống | 1        |
| 10  | Đầu dò 35B-P            | Trình tự: HEX-<br>ATTCCTTACGTAGAAGGTAAGGGAAGG-BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô   | Ống | 1        |
| 11  | Đầu dò 35F/47F-P        | Trình tự: FAM-<br>TCCATTCAACTGGTCGTCCGAATAATCC-BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô  | Ống | 1        |
| 12  | Đầu dò đặc biệt 1-P     | - Trình tự: FAM-TGCCAAAGCCAGCCAT-BHQ1<br>- Cầu nối hóa học: LNA<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô  | Ống | 1        |
| 13  | Đầu dò đặc biệt 3-P     | Trình tự: HEX-<br>TTGTAGACCGCCCCACAA"TCATTTTGT-<br>BHQ1<br>Cầu nối hóa học:"T"=BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                              | Ống | 1        |
| 14  | Đầu dò đặc biệt 5-P     | Trình tự: FAM-<br>TCTTCTTCTCA"TCGTTTCCGCATGCTTTT-<br>BHQ1<br>Cầu nối hóa học:"T"=BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                            | Ống | 1        |
| 15  | Đầu dò đặc biệt 6C/6D-P | Trình tự: ROX-CCACGCAATTCGCCATC-BHQ2<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô   | Ống | 1        |
| 16  | Đầu dò đặc biệt 6B/6D-P | Trình tự: HEX-<br><HEX>A<pdC><pdU>G<pdU><pdC><pdU><pdC><br>A <pdU>GA<pdU>A A<pdU><pdU>A<pdU><pdU><br><BHQ1>-BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô | Ống | 1        |



| STT | Tên hàng hóa                      | Thông số kỹ thuật chuyên môn phối hợp với Vật tư xây dựng  | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------|--|-----|----------|
| 17  | Đầu dò đặc biệt 6A/6B-P           | Trình tự: CY5-<br>AGAAAAGATAAATAGATTATCAAAACAATTTG<br>CGCAGA-BHQ3<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô              | Ống | 1        |
| 18  | Đầu dò đặc biệt 7F/7A-P           | Trình tự: ROX-<br>ACACCACTATAGGCTGTTGAGACTAACGCACA<br>-BHQ2<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                    | Ống | 1        |
| 19  | Đầu dò đặc biệt 9V/9A-P           | Trình tự: HEX-ACACATTGACAACCGCT-BHQ1<br>Cầu nối hóa học: LNA<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                   | Ống | 1        |
| 20  | Đầu dò đặc biệt 11A/11D/11E-P     | Trình tự: ROX-<br>ATTCCAATTCTCCCAATTTCTGCCACGG-<br>BHQ2<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                        | Ống | 1        |
| 21  | Đầu dò đặc biệt 14-P              | Trình tự: HEX-<br>CGCCAAGTAACA"TTTCCATTCCATT-BHQ1<br>Cầu nối hóa học: "T"=BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô | Ống | 1        |
| 22  | Đầu dò đặc biệt 15A/15F-P         | Trình tự: FAM-CCCGCAA <u>ACT</u> CTGTCCT-BHQ1<br>Cầu nối hóa học: LNA<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô          | Ống | 1        |
| 23  | Đầu dò đặc biệt 18C/18F/18B/18A-P | Trình tự: CY5-<br>AGGGAGTTGAATCAACCTATAATTTGCCCC-<br>BHQ3<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                      | Ống | 1        |
| 24  | Đầu dò đặc biệt 19A-P             | Trình tự: ROX-<br>TATCAATGAGCCGATCCGTCACCTT-BHQ2<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                               | Ống | 1        |



| STT | Tên hàng hóa                  | Thông số kỹ thuật chuyên môn phối hợp với Vật tư xây dựng   | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------|---|-----|----------|
| 25  | Đầu dò đặc biệt 19F-P         | Trình tự: ROX- CGCACTGTCAATTCACCTTC-BHQ2<br>Cầu nối hóa học: LNA<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô                        | Ống | 1        |
| 26  | Đầu dò đặc biệt 23F-P         | Trình tự: ROX- ATTGTGTCCA "T" AACCTTCGTCGTATTTCCAA AG-BHQ2<br>Cầu nối hóa học: "T"=BHQ1<br>- Nồng độ tổng hợp tối thiểu 100nmol<br>- Tinh sạch bằng HPLC và được làm đông khô | Ống | 1        |
| 27  | Đầu côn có lọc 10 µl          | - Thẻ tích làm việc: 0,2 đến 10 µl<br>- Chất liệu: nhựa Polypropylen<br>- Đã tiệt trùng<br>- Không chứa DNase, RNase<br>- Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường         | Cái | 2.880    |
| 28  | Đầu côn có lọc 30µl           | - Thẻ tích làm việc: 1 đến 30 µl<br>- Chất liệu: nhựa Polypropylen<br>- Đã tiệt trùng<br>- Không chứa DNase, RNase<br>- Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường           | Cái | 1.920    |
| 29  | Đầu côn có lọc 100 µl         | - Thẻ tích làm việc: 10 đến 100 µl<br>- Chất liệu: nhựa Polypropylen<br>- Đã tiệt trùng<br>- Không chứa DNase, RNase<br>- Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường         | Cái | 1.920    |
| 30  | Đầu côn có lọc 1000 µl        | - Thẻ tích làm việc: 100 đến 1000 µl<br>- Chất liệu: nhựa Polypropylen<br>- Đã tiệt trùng<br>- Không chứa DNase, RNase<br>- Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường       | Cái | 960      |
| 31  | Đầu côn có lọc 200 µl         | - Thẻ tích làm việc: 20 đến 200 µl<br>- Chất liệu: nhựa Polypropylen<br>- Đã tiệt trùng<br>- Không chứa DNase, RNase<br>- Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường         | Cái | 1.920    |
| 32  | Đĩa petri nhựa vô trùng 60 mm | - Chất liệu: nhựa Polystyrene<br>- Đã được tiệt trùng<br>- Nắp và thân đĩa phẳng<br>- Trong suốt<br>- Kích thước: 60x15 mm  | Cái | 960      |



| STT | Tên hàng hóa  | Thông số kỹ thuật chuyên môn phối hợp với Vật tư xây dựng  | ĐVT | Số lượng |
|-----|---|--|-----|----------|
| 33  | Găng tay Nitrile size M                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: 100% nitrile</li> <li>- Size: M, chưa tiệt trùng</li> <li>- Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng</li> <li>- Màu: Trắng hoặc xanh</li> </ul>   | Đôi | 1.000    |
| 34  | Hộp lưu mẫu 100 chỗ                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 100 vị trí lưu giữ</li> <li>- Chất liệu Polypropylene (PP)</li> <li>- Có khả năng chịu nhiệt độ đến -80 độ C</li> <li>- Trên hộp có đánh dấu ký hiệu trên các vị trí lưu trữ</li> <li>- Thích hợp cho ống thể tích 2ml</li> </ul>                                | Cái | 20       |
| 35  | Dây ống phản ứng 0,1 ml gồm 8 giếng dùng cho Realtime PCR | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây gồm 8 ống</li> <li>- Thể tích: 0,1ml</li> <li>- Vật liệu: Polypropylene</li> <li>- Vô trùng, không chứa Rnase/Dnase</li> <li>- Chịu được nhiệt độ từ -20 độ C đến 120 độ C</li> </ul>   | Dây | 2.250    |
| 36  | Nắp 8 giếng dùng cho Realtime PCR                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây gồm 8 nắp quang học</li> <li>- Vật liệu: Polypropylene</li> <li>- Vô trùng, không chứa Rnase/Dnase</li> <li>- Chịu được nhiệt độ từ -20 độ C đến 120 độ C</li> <li>- Sử dụng đồng bộ với "Dây ống phản ứng 0,1 ml gồm 8 giếng dùng cho Realtime PCR"</li> </ul> | Dây | 1.200    |
| 37  | Micropipet 1 kênh 0,5-10 $\mu$ l                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên độ thể tích: 0,5 đến 10<math>\mu</math>l</li> <li>- Pipet được làm từ chất liệu chịu nhiệt độ, kháng hóa chất, chịu được UV</li> <li>- Có hiển thị thể tích</li> <li>- Có thể hấp khử trùng toàn bộ pipette.</li> </ul>  | Cái | 2        |
| 38  | Micropipet 1 kênh 10-100 $\mu$ l                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên độ thể tích: 10 đến 100<math>\mu</math>l</li> <li>- Pipet được làm từ chất liệu chịu nhiệt độ, kháng hóa chất, chịu được UV</li> <li>- Có hiển thị thể tích</li> <li>- Có thể hấp khử trùng toàn bộ pipette.</li> </ul>  | Cái | 1        |
| 39  | Que cấy 10 $\mu$ l  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polystyrene (PS)</li> <li>- Đã được tiệt trùng</li> <li>- Thể tích: 10<math>\mu</math>l</li> </ul>   | Que | 4.000    |
| 40  | Que cấy 1 $\mu$ l   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polystyrene (PS)</li> <li>- Đã được tiệt trùng</li> <li>- Thể tích: 1<math>\mu</math>l</li> </ul>  | Que | 2.000    |
| 41  | Dung dịch TE buffer                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 0,1M Tris-HCl (pH từ 7,6 đến 8,0)</li> <li>+ 0,01 M EDTA</li> </ul> </li> <li>- Dung dịch trong suốt.</li> <li>- Không chứa Dnase, Rnase</li> </ul>  | ml  | 500      |

| STT | Tên hàng hóa                         | Thông số kỹ thuật chuyên môn phối hợp với Vật tư xây dựng   | ĐVT  | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|---|------|----------|
| 42  | Tube lưu mẫu 2 ml                    | - Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2ml có nhãn viết<br>- Chịu được nhiệt độ từ - 86 độ C đến 121 độ C<br>- Chất liệu polypropylene;<br>- Nắp vặn ngoài<br>- Không chứa DNase, RNase  | Cái  | 5.000    |
| 43  | Khẩu trang y tế                      | - Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn   | Cái  | 500      |
| 44  | Môi trường Columbia agar + Máu cừu   | Môi trường dạng đĩa, thành phần trong 1 lít môi trường như sau (g/l):<br>- Pancreatic Digest of Casein 12,0<br>- Starch 1,0<br>- Peptic Digest of Animal Tissue 5,0<br>- Sodium Chloride 5,0<br>- Yeast Extract 3,0<br>- Beef Extract 3,0<br>- Sheep Blood Defibrinated 50,0 ml<br>- Agar 10,0 - 14,0 | Đĩa  | 700      |
| 45  | Môi trường bảo quản Lucia Broth (LB) | Thành phần trong 1 lít môi trường như sau (g/l):<br>- Tryptone 10,0<br>- Yeast extract 5,0<br>- Sodium chloride 5,0<br>Yêu cầu quy cách đóng gói tối đa 500g/chai   | Gram | 500      |
| 46  | Dung dịch Glycerol                   | Dùng để bổ sung vào môi trường nuôi cấy.<br>Độ tinh khiết: $\geq 99,0\%$<br>Áp suất hóa hơi: $< 1$ mmHg ( 20°C)<br>Yêu cầu quy cách đóng gói tối đa 1 lít/chai  | Lít  | 1        |
| 47  | Môi trường Columbia Agar             | Thành phần trong 1 lít môi trường như sau (g/l):<br>- Peptospecial (hoặc Enzymatic digest of animal tissues) 23,0<br>- Starch 1,0<br>- Sodium chloride 5,0<br>- Agar: 8,0 - 18,0<br>Yêu cầu quy cách đóng gói tối đa 500g/chai  | Gram | 1.000    |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: Kho Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – 167 Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 24 – 48 giờ đối với hàng có sẵn, 04 – 08 tuần đối với hàng không có sẵn.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán tối thiểu trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao hàng, xuất hóa đơn tài chính. Hồ sơ thanh toán bao gồm: hóa



đơn, biên bản bàn giao nghiệm thu, giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ của hàng hóa (nếu có). Trường hợp Viện nhận thiếu các hồ sơ nêu trên thì thời gian thanh toán được tính từ khi nhà cung cấp bổ sung đầy đủ các chứng từ cho Viện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**



**Lê Việt Hà**



Phụ lục 1

BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công Văn Số 12120/PAS-VTTBYT ngày 16/04/2024 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục hàng hóa <sup>(1)</sup> | Ký, mã, nhãn hiệu, model <sup>(2)</sup> | Hãng sản xuất <sup>(3)</sup> | Mã HS <sup>(4)</sup> | Năm sản xuất <sup>(5)</sup> | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | ĐVT | Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup> | Đơn giá có VAT <sup>(8)</sup><br>(VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup><br>(VND) | Thuế VAT, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup><br>(VND) | Thành tiền <sup>(11)</sup><br>(VND) |
|-----|----------------------------------|---|------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|-----|------------------------------------|--|---|---|-------------------------------------|
| 1   | Hàng hóa A                       |   |                              |                      |                             |                        |     |                                    |  |   |   |                                     |
| 2   | Hàng hóa B                       |   |                              |                      |                             |                        |     |                                    |  |   |   |                                     |
| n   | ...                              |   |                              |                      |                             |                        |     |                                    |  |   |   |                                     |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)





2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày....tháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (2), (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng mục hàng hóa.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá chưa bao gồm VAT tương ứng với từng hàng hóa.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa hoặc toàn bộ hàng hóa; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa hoặc toàn bộ hàng hóa. Đối với các hàng hóa nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hàng hóa.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng



hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.  
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thanh tiền bằng đồng Việt Nam (VND).  
Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại  
thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường  
hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành  
viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

